

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST

Ngày 09-8-2018

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Văn Hải

Bà Trần Thị Lan Phương

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà:
Bà Vũ Thị Phương Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 9 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hà Văn G, sinh năm 1987; trú tại: Thôn A, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984; trú tại: Tổ dân phố H, thị trấn H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 08/3/2018 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Hà Văn G trình bày:

Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị L ngày 13/11/2009, trước khi cưới được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới, chị L về gia đình anh làm dâu, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 4/2011 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị L bỏ đi từ đó đến giữa năm 2015 mới trở về. Đến năm 2016, hai vợ chồng có thêm 01 con chung, sau khi sinh cháu thứ 2 được 03 tháng thì vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Thời điểm khi hai vợ chồng chung sống

cùng nhau từ cuối năm 2015 đến giữa năm 2016 thì chị L vẫn sáng đi bán hàng ở huyện Lập Thạch và tối trở về. Ngoài ra, nguyên nhân mâu thuẫn của hai vợ chồng là do vợ chồng không sống cùng nhau và chị có người đàn ông khác ở bên ngoài. Hiện nay, anh đang làm nghề lái xe taxi, thu nhập một tháng khoảng 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng và đang sống trên nhà, đất của bố mẹ anh tại thôn A, xã Đ. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh xin ly hôn chị L.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con là Hà Khánh V, sinh ngày 19/2/2011 và Hà Khánh M, sinh ngày 14/6/2016; hiện hai cháu đang ở cùng chị L. Ly hôn, anh xin nuôi cháu V, để chị L nuôi cháu M; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung, về tài sản riêng; công nợ, công sức đóng góp: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị đồng ý với lời trình bày của anh G về quá trình đăng ký kết hôn. Trong quá trình vợ chồng chị chung sống với nhau, thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn, nhưng mâu thuẫn là không lớn, không trầm trọng. Thời điểm vợ chồng làm ăn thua lỗ, anh G có đánh chị 7 lần và đuổi chị về nhà bố mẹ đẻ 2-3 ngày. Đến năm 2012 anh G tiếp tục đánh chị, khi cháu đầu được 08 tháng chị có sang Trung Quốc làm cho chị gái 06 tháng sau đó chị về quê làm ăn. Cuối năm 2012 chị về ở với chồng, chị làm ở xã L, huyện L và cho con đi học cùng nơi chị làm, sáng đi tối về. Ngày 25/12/2017 anh G không cho chị về nhà nên chị phải về nhà bố mẹ đẻ tại thị trấn H sinh sống cho đến nay. Hiện chị đang làm nghề lao động tự do, mức thu nhập một tháng khoảng 15.000.000đồng – 20.000.000đồng và đang ở trên nhà, đất của bố mẹ đẻ chị tại thị trấn Hoa Sơn. Nay anh G xin ly hôn, chị không đồng ý, chị vẫn còn tình cảm với anh và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ tiếp tục chung sống để chăm lo, nuôi dạy con cái cho tốt.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con như anh G trình bày là đúng. Hiện hai cháu đang ở cùng chị. Nếu có sự ly hôn, chị xin nuôi cả hai cháu và đề nghị anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 2.000.000đ/tháng/2 con (mỗi con là 1.000.000đ/tháng).

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch thụ lý vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thông báo thụ lý vụ án, thu thập tài liệu, chứng cứ theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi khai mạc phiên toà đến khi nghị án, đảm bảo vô tư, khách quan, đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh G với chị L. Về con chung, giao cho mỗi người nuôi một cháu, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là anh Hà Văn G đối với bị đơn là chị Nguyễn Thị L. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về pháp luật áp dụng giải quyết vụ án: Ngày 08/3/2018 anh Hà Văn G có đơn xin ly hôn với chị Nguyễn Thị L và đề nghị giải quyết về con chung. Vì vậy pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Hà Văn G và chị Nguyễn Thị L đều thể hiện: Việc kết hôn giữa anh G và Lan trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh G và chị L là hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng, thường xảy ra mâu thuẫn, đã từng sống ly thân 06 tháng trong năm 2012 và đến tháng 12/2017 hai vợ chồng tiếp tục sống ly thân từ đó cho đến nay. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo anh G thì vợ chồng không thường xuyên sống chung và anh nghi ngờ chị L có người đàn ông khác. Chị L cho rằng vợ chồng mâu thuẫn là do vợ chồng làm ăn thua lỗ, anh G đã từng đánh chị và đuổi chị đi nên chị mới bỏ đi làm ăn ở Trung Quốc 06 tháng và sau đó thì chị về nhà bố mẹ đẻ để sống. Qua xác minh tại địa phương thì vợ chồng anh G chị L thỉnh thoảng có cãi vã nhưng nguyên nhân không rõ. Việc hai vợ chồng không cùng chung sống, nghi ngờ nhau ngoại tình nên không thể quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau và không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nay anh G xin ly hôn, mặc dù chị L không đồng ý nhưng chị L không có biện pháp nào để cải thiện cuộc sống vợ chồng, hiện nay vợ chồng vẫn còn đang sống ly thân. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa anh G và chị L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh G với chị L.

[5]. Về con chung: Vợ chồng anh G chị L có 02 con chung là cháu Hà Khánh V, sinh ngày 19/2/2011 và Hà Khánh M, sinh ngày 14/6/2016. Ly hôn anh G đề nghị được nuôi cháu V, chị L đề nghị được nuôi cả hai cháu. Hiện nay, anh Giang, chị L đều có công việc, thu nhập ổn định, nên cần giao cho mỗi người nuôi một cháu, do cháu M chưa đủ 36 tháng tuổi nên giao cháu Hà Khánh M cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu V cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng

do mỗi người nuôi một cháu nên không cần thiết phải buộc các bên phải cấp dưỡng cho nhau để nuôi con chung.

[6]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ; công sức đóng góp: Anh G và chị L đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: Anh Hà Văn G phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1, 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Hà Văn G với chị Nguyễn Thị L.

Giao cho anh Hà Văn G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hà Khánh V, sinh ngày 19/02/2011; giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hà Khánh M, sinh ngày 14/6/2016. Không ai phải đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Hà Văn G phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0001489 ngày 19/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Anh G đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS huyện Lập Thạch;
- UBND xã Đ, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa